

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU**

Số: 2448/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Cầu, ngày 12 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của HĐND huyện Bến Cầu khóa XI, kỳ họp thứ mười hai;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 125/TTr-TCKH ngày 12 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thực hiện dự toán chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2021, cụ thể như sau:

(Kèm theo biểu số liệu chi tiết)

Điều 2. Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TTHU-HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TCKH.

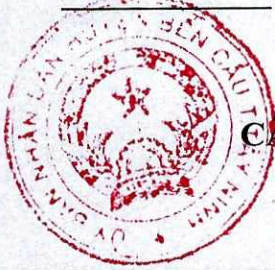
NP/QĐ316

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**Ủ. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Mềm



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 ĐẦU NĂM NĂM 2021

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021	THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	326 600	292 678	89,61%	110,87%
	Thu cân đối NSNN	326 600	162 478	49,75%	61,55%
1	Thu nội địa	99 200	48 928	49,32%	136,72%
2	Thu bổ sung từ NS cấp trên	212 640	113 550	53,40%	49,76%
3	Thu chuyển nguồn (CCTL)	14 760			
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	326 600	130 200	39,87%	179,28%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	315 600	127 604	40,43%	175,71%
1	Chi đầu tư phát triển	45 160	10 318	22,85%	66,22%
2	Chi thường xuyên	264 470	115 961	43,85%	203,29%
3	Dự phòng ngân sách	5 970	1 325	22,19%	
II	CHI TỪ NGUỒN TỈNH HỖ TRỢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ	8 760	2 596		
III	CHI SỰ NGHIỆP XÃ HỘI TỪ NGUỒN CCTL HUYỆN	2.240			



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	311 840	162 478	52,10%	61,55%
I	Thu nội địa	99 200	48 928	49,32%	136,72%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	23 600	10 831	45,89%	93,71%
4	Thuế thu nhập cá nhân	17 500	9 927	56,73%	132,13%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	9 000	3 010	33,44%	86,64%
7	Thu phí và lệ phí	2 000	1 140	57,00%	113,32%
8	Các khoản thu về nhà, đất	38 000	17 937	47,20%	218,00%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		58		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	86	86,00%	220,51%
-	Thu tiền sử dụng đất	18 200	16 736	91,96%	217,89%
-	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	500	1 057	211,40%	264%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	19 200			
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	9 000	6 050	67,22%	154,26%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	100	33	33,00%	38,82%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	211 404	113 550	53,71%	49,76%
	Thu bổ sung cân đối	197 854	100 000	50,54%	105,26%
	Thu bổ sung có mục tiêu	13 550	13 550	100,00%	10,17%
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	1 236			
1	Từ các khoản thu phân chia	1 236			
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%				

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	326.600	130.200	39,87%	179,28%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	315.600	127.604	40,43%	175,71%
I	Chi đầu tư phát triển	45.160	10.318	22,85%	66,22%
1	- Chi đầu tư cho các dự án	25.960	10.318	39,75%	66,22%
1	- Chi từ nguồn thu ND 167/2017/ND-CP	19.200			
II	Chi thường xuyên	264.470	115.961	43,85%	203,29%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	124.330	54.623	43,93%	98,95%
2	Chi khoa học công nghệ	160		0,00%	0,00%
3	Chi y tế, dân số và gia đình	1.500	745	49,67%	203,00%
4	Chi văn hóa, thể thao và truyền thanh	4.172	1.392	33,37%	82,22%
7	Chi bảo vệ môi trường	3.330	15	0,45%	1,48%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	24.237	6.055	24,98%	47,35%
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	64.172	28.963	45,13%	95,82%
10	Chi đảm bảo xã hội	12.000	5.291	44,09%	37,47%
III	Dự phòng ngân sách	5.970	1.325	22,19%	
B	CHI TỪ NGUỒN TỈNH HỖ TRỢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ	8 760	2 596		
C	CHI SỰ NGHIỆP XÃ HỘI TỪ NGUỒN CCTL HUYỆN	2 240			